

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2014/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc quản lý cây xanh đô thị
trên địa bàn tỉnh An Giang**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số:.....S..... Ngày:.....4/8.....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1386/TTr-SXD ngày 22 tháng 7 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, HĐND; UBND tỉnh;
- Chủ tịch, và các phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Đài PTTH An Giang, Báo An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, ĐTXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Anh Kiệt

QUY ĐỊNH

Về việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND

ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm: quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cây xanh đô thị

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và phân công trách nhiệm cho các Sở, Ban, Ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) trong việc quản lý cây xanh đô thị.

2. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị nhằm mục đích phục vụ lợi ích công cộng.

3. Nhà nước khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân tham gia quy hoạch; trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ, quản lý cây xanh đô thị.

4. Việc quản lý, phát triển cây xanh đô thị phải tuân thủ quy hoạch đô thị, quy chuẩn kỹ thuật đồng thời góp phần tạo cảnh quan, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.

5. Khi triển khai xây dựng khu đô thị mới, chủ đầu tư phải đảm bảo quỹ đất cây xanh; cây xanh được trồng phải đúng chủng loại, tiêu chuẩn cây trồng theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt. Đồng thời, chủ đầu tư dự án khu đô thị mới phải có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ cây xanh đến khi bàn giao Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý.

6. Đường đô thị khi xây dựng mới phải trồng cây xanh đồng bộ với việc xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật. Khi cải tạo, nâng cấp đường đô thị, các công trình hạ tầng kỹ thuật hoặc khi tiến hành hạ ngầm các đường dây, cáp

nổi tại các đô thị có liên quan đến việc bảo vệ, chặt hạ, dịch chuyển và trồng mới cây xanh, chủ đầu tư phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện biết để giám sát thực hiện.

Điều 4. Phân cấp quản lý cây xanh đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức quản lý cây xanh đô thị thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, ngoại trừ các khu công nghiệp được phân cấp cho Ban Quản lý khu kinh tế quản lý.

2. Ban Quản lý khu kinh tế tổ chức quản lý cây xanh đô thị trong phạm vi các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

Điều 5. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế lập kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm trong phạm vi quản lý gửi Sở Xây dựng tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm bao gồm: trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ cây xanh đô thị; xây mới, cải tạo, chỉnh trang và nâng cấp các công trình xây dựng thuộc khu vực cây xanh sử dụng công cộng đô thị.

4. Kế hoạch đầu tư, phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị và kinh phí thực hiện theo kế hoạch phải được bố trí vào chương trình hoặc kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm từ nguồn ngân sách tỉnh (đối với Ban Quản lý khu kinh tế) và ngân sách huyện, thị xã, thành phố.

Điều 6. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý cây xanh

Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng và trường học tuyên truyền phổ biến, giáo dục, hướng dẫn người dân tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và chấp hành nghiêm chỉnh Quy định này.

Điều 7. Các hành vi bị cấm đối với cây xanh đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (sau đây gọi tắt là Nghị định 64/2010/NĐ-CP).

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Mục 1. QUY HOẠCH CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 8. Yêu cầu đối với quy hoạch cây xanh đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 9. Quy hoạch cây xanh đô thị

1. Các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị phải tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn về quỹ đất cây xanh đô thị theo các quy định trong quy chuẩn xây dựng Việt Nam và các tiêu chuẩn thiết kế quy hoạch xây dựng hiện hành.

2. Căn cứ tính chất và quy mô, đặc điểm về điều kiện tự nhiên, định hướng phát triển đô thị trong quy hoạch xây dựng cần phải xác định quỹ đất tối thiểu dành cho vườn ươm cây. Diện tích vườn ươm cây được tính theo quy mô dân số đô thị như sau:

a) Đối với thành phố Long Xuyên diện tích đất tối thiểu cho vườn ươm cây khoảng $1\text{m}^2/\text{người}$;

b) Đối với các đô thị còn lại diện tích đất tối thiểu cho vườn ươm cây khoảng $0,5\text{m}^2/\text{người}$.

Diện tích vườn ươm cây được tính chung theo dân số đô thị. Quy mô, vị trí các vườn ươm cây được xác định trong quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, có thể bố trí tập trung hoặc phân tán tại các đô thị hoặc ngoài đô thị tùy theo điều kiện tự nhiên, khả năng khai thác quỹ đất của từng địa phương.

3. Thiết kế quy hoạch cây xanh trong các đồ án quy hoạch xây dựng đô thị ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị cần được bổ sung và làm rõ một số nội dung sau:

a) Quy hoạch chung xây dựng đô thị: Xác định diện tích đất cây xanh; tỷ lệ diện tích đất cây xanh trên đầu người; diện tích đất cây xanh của từng khu vực đô thị (khu vực mới, khu vực cải tạo...); diện tích cây xanh cách ly ven sông, kênh rạch (nếu có); tỷ lệ che phủ, các nguyên tắc lựa chọn loại cây trồng cho đô thị;

b) Quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị: Xác định vị trí, tỷ lệ diện tích đất cây xanh trên đầu người; diện tích cây xanh cách ly ven sông, kênh rạch (nếu có); diện tích cây xanh tập trung; phân loại, lựa chọn cây xanh thích hợp (bao gồm: Chủng loại, hình dáng, màu sắc, chiều cao, đường kính tán, hình thức tán, dạng lá, màu lá; hoa, tuổi thọ cây); các hình thức bố cục cây xanh trong các khu chức năng, trên đường phố, tại công viên, vườn hoa, vườn dạo, sân vườn.

4. Trên cơ sở quy hoạch xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khuyến khích các đô thị lập quy hoạch chuyên ngành cây xanh.

Mục 2. TRỒNG, CHĂM SÓC, BẢO VỆ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 10. Quy định chung về trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 và Điều 13 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 11. Đối với cây xanh sử dụng công cộng trong đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định 64/2010/NĐ-CP. Ngoài ra cần tuân thủ các quy định cụ thể sau:

1. Các loại cây bóng mát trong đô thị:

a) Loại 1 (cây tiểu mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành nhỏ;
b) Loại 2 (cây trung mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành trung bình;

c) Loại 3 (cây đại mộc): là những cây có chiều cao trưởng thành lớn.

2. Cây xanh trồng trên đường phố phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Đối với cây tiểu mộc có chiều cao tối thiểu từ 2 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 4 cm trở lên;

b) Đối với cây trung mộc và đại mộc có chiều cao tối thiểu từ 3 m trở lên và đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn từ 5 cm trở lên;

c) Tán cây cân đối, không sâu bệnh, thân cây thẳng.

d) Cây không thuộc danh mục cây cấm trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

đ) Trồng cây đúng chủng loại quy định, đúng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc. Cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

e) Cây xanh trồng trên đường phố phải được lắp đặt bó vỉa bảo vệ gốc cây.

3. Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5m trồng các cây loại 2 hoặc loại 3 theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

4. Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3m đến 5m trồng các cây loại 1 hoặc loại 2 theo quy định phân loại cây bóng mát trong đô thị.

5. Đối với các tuyến đường nhỏ có chiều rộng hè phố hẹp dưới 3m, đường cải tạo, bị khống chế về mặt bằng và không gian thì cần tận dụng những cây hiện có hoặc trồng tại những vị trí thừa công trình, ít vướng đường dây trên không và không gây hư hại các công trình sẵn có, có thể trồng dây leo theo trụ hoặc đặt chậu cây.

6. Khoảng cách giữa các cây trồng được quy định như sau: cây loại 1 từ 4m đến 8m; cây loại 2 từ 8m đến 12m; cây loại 3 từ 12m đến 15m; hoặc theo từng vị trí cụ thể của quy hoạch trên khu vực, đoạn đường. Chú ý trồng cây ở khoảng trước tường ngăn giữa hai nhà phố, tránh trồng giữa cổng hoặc trước chính diện nhà dân đối với những nơi có chiều rộng hè phố dưới 5m.

7. Khoảng cách tối thiểu tính từ mép lề đường đến tim hàng cây: Cây loại 1 là 0,6m; Cây loại 2 là 0,8m; Cây loại 3 là 1,0m.

8. Cây xanh đường phố và các dải cây phải hình thành một hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến phố. Trồng từ một đến hai loại cây xanh đối với các tuyến đường, phố có chiều dài dưới 2km. Trồng từ một đến ba loại cây đối với các tuyến đường, phố có chiều dài từ 2km trở lên hoặc theo từng cung, đoạn đường.

9. Đối với các dải phân cách có bề rộng dưới 2m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có bề rộng từ 2m trở lên có thể trồng các loại cây thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu giải phân cách, đoạn qua lại giữa hai giải phân cách khoảng 3m - 5m để đảm bảo an toàn giao thông.

10. Tại các trụ cầu, cầu vượt, bờ tường nghiêng cứu thiết kế bố trí trồng dây leo để tạo thêm mảng xanh cho đô thị, có khung với chất liệu phù hợp cho dây leo để bảo vệ công trình. Tại các nút giao thông quan trọng ngoài việc phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn giao thông tổ chức trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành mảng xanh tăng vẻ mỹ quan đô thị.

11. Cây xanh được trồng cách các góc vạt hè phố 5m - 8m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn giao thông.

12. Cây xanh được trồng cách các hống cứu hỏa trên đường từ 2m - 3m; cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga từ 1m - 2m.

13. Cây xanh được trồng cách mạng lưới đường dây, đường ống kỹ thuật (cấp nước, thoát nước, cáp ngầm) từ 1m - 2m.

14. Đánh số thứ tự và lập hồ sơ quản lý cho từng cây.

15. Cây xanh được trồng dọc mạng lưới đường dây dẫn điện phải đảm bảo hành lang an toàn lưới điện theo quy định của pháp luật về điện lực.

16. Ô đất trồng cây xanh đường phố:

a) Kích thước và loại hình ô đất trồng cây được sử dụng thống nhất đối với cùng một loại cây trên cùng một tuyến phố, trên từng cung hay đoạn đường.

b) Xung quanh ô đất trồng cây trên đường phố hoặc khu vực sở hữu công cộng (có hè đường) phải được xây bó vỉa có cao độ bằng với cao độ của hè phố nhằm giữ đất tránh làm bẩn hè phố hoặc các hình thức thiết kế khác để bảo vệ cây và tạo hình thức trang trí.

c) Tận dụng các ô đất trồng cây bố trí trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành khóm xung quanh gốc cây hoặc thành dải cây xanh để tăng vẻ đẹp cảnh quan đô thị.

Điều 12. Đối với cây xanh sử dụng hạn chế, cây được bảo tồn trong đô thị

Thực hiện theo quy định tại Điều 16 và 17 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 13. Đối với cây nguy hiểm trong đô thị

1. Cây nguy hiểm phải được xác định mức độ nguy hiểm có thể tác động tới người, phương tiện và công trình, trên cơ sở đó có biện pháp khắc phục hoặc lập kế hoạch chặt hạ, di dời cây. Đối với các cây xanh đã đến tuổi già cỗi không đảm bảo an toàn, mục đích sử dụng phải lập kế hoạch từng bước chặt hạ thay thế dần. Cây thay thế, trồng mới phải nằm trong danh mục cây được trồng, có hình dáng, đường kính, chiều cao phù hợp với cảnh quan.

2. Giảm sự nguy hiểm và bảo tồn cây xanh đô thị:

a) Xem xét, kiểm tra cây thường xuyên ít nhất một lần mỗi mùa trong năm.

b) Tránh trồng những cây rễ nổi dễ đổ và những cây ăn quả, cây có gai nhọn, có chất độc, cây có tán lớn nằm sát nhà dân và những cây giòn dễ gãy trên đường phố có thể làm mất an toàn cho người, phương tiện và công trình.

c) Sử dụng đúng biện pháp cắt tỉa.

d) Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên phát hiện cây nguy hiểm để có biện pháp xử lý kịp thời. Hạn chế những rủi ro của cây nguy hiểm bằng cách loại bỏ cành chết, gãy.

Điều 14. Chăm sóc cây xanh đô thị

1. Cắt tỉa cây trưởng thành:

a) Các dạng cắt tỉa cây: Hàng năm cây xanh phải được cắt tỉa đúng yêu cầu kỹ thuật nhằm tạo dáng cây và làm cho phát triển nhanh hơn và đảm bảo an toàn trong mùa mưa bão. Thông thường có các loại cắt tỉa cây như sau:

- Làm quang vòm (đỉnh, ngọn, chóp) lá: Loại bỏ các cành lá khô và gãy, những cành to bị bệnh hoặc nguy hiểm;

- Làm mỏng vòm lá: Loại bỏ bớt tán lá để giảm cản trở sự đi qua của gió trong mùa mưa bão;

- Nâng cao vòm lá: Loại bỏ những tán lá thấp nhất tạo thông thoáng tầm nhìn trên đường, các nơi có biển báo, đèn tín hiệu giao thông;

- Giảm bớt ngọn: Không chế chiều cao, làm thấp đỉnh ngọn cây bằng cách cắt tỉa tự nhiên ít nhất là 1/3 độ lớn của các cành cây to bị loại bỏ;

- Phục hồi ngọn: Thực hiện việc cắt tỉa để lấy lại cấu trúc tự nhiên của cây sau khi cây bị cắt tỉa hoặc xén ngọn không đúng cách.

b) Thời gian cắt tỉa: Để giảm khả năng có thể xảy ra bệnh tật do sâu bệnh, vi khuẩn, thời gian cắt tỉa được thực hiện theo đặc điểm khí hậu của từng vùng trung bình 2 lần/năm, đặc biệt trước mùa mưa bão (trừ trường hợp vì lý do an toàn) như sau:

- Đối với tất cả các loại cây: Không được cắt tỉa vào thời gian cành con đang đâm chồi;

- Đối với những cây vỏ mỏng: Không được cắt tỉa vào mùa hè có thể gây tổn thương cho cây do ánh nắng mặt trời;

- Đối với những cây nguy hiểm có thể được cắt tỉa vào bất cứ thời gian nào trong năm.

Sau khi cắt tỉa bôi thuốc để thân cây khỏi bị nấm, sâu bệnh xâm nhập.

2. Cắt tỉa cây chưa trưởng thành (cây non).

Cắt tỉa cây sớm sẽ tăng tuổi thọ cây và hiệu quả chi phí, cây sẽ được an toàn hơn và ít cành bị gãy. Cây non nên được cắt tỉa vào năm thứ 2 sau khi trồng để tăng cấu trúc của cây và cắt tỉa đều đặn những năm sau đó.

3. Kiểm tra định kỳ cắt mé cành và nhánh nặng tán, lấy nhánh khô, không chế chiều cao, chống sửa cây nghiêng, tạo dáng, bón phân, xử lý sâu bệnh và xử lý cây ký sinh bám trên cây chủ để tăng tuổi thọ của cây, đồng thời làm cỏ gốc, phá vỡ lớp đất mặt để khi tưới cây dễ thấm vào đất.

Điều 15. Bảo vệ cây xanh trong quá trình xây dựng

1. Khi thi công các công trình ngầm và trên mặt đất, đơn vị thi công có trách nhiệm bảo vệ hệ thống cây xanh đã có trong và xung quanh khu vực công trường. Không được lấy thân cây làm chỗ tựa, đỡ để kéo sắt, thép, cấu kiện vật liệu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây.

2. Cây xanh giữ lại trong công trường xây dựng cần được bảo vệ bằng hàng rào tạm xung quanh cây để giữ cho ngọn, tán lá và cấu trúc cành cây không bị tiếp xúc với thiết bị, vật liệu và các hoạt động khác; bảo vệ rễ cây và điều kiện đất không bị thay đổi.

3. Phạm vi an toàn bảo vệ cây và rễ cây được xác định tối thiểu như sau: Bán kính vùng an toàn bảo vệ cây bằng 10 lần đường kính tại chiều cao tiêu chuẩn.

Điều 16. Bảo quản, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên nhà đất của cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có toàn quyền trong việc lựa chọn giống cây trồng, được thụ hưởng toàn bộ hoa lợi từ cây và chịu trách nhiệm trong việc bảo quản, chăm sóc cây xanh, hoa, cỏ, kiểng, dây leo trồng trong khuôn viên do mình quản lý.

2. Cây trồng trong khuôn viên của cơ quan, tổ chức và cá nhân phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Không thuộc danh mục cây cấm trồng, cây trồng hạn chế do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; không thực hiện những hành vi bị cấm được quy định tại Điều 7 Nghị định số 64/2010/NĐ-CP;

b) Cây trồng lê, trồng dặm thì tùy thuộc khoảng không gian của khuôn viên mà chọn cây thích hợp nhưng có độ cao khi trưởng thành không quá 15m;

c) Khoảng cách ly an toàn đến các công trình kỹ thuật đô thị phải theo quy định của cơ quan quản lý chuyên ngành và bảo đảm cây xanh có tán, thân, rễ không gây hư hại đến các công trình lân cận thuộc tổ chức, cá nhân khác quản lý;

d) Cây trồng theo dự án đầu tư bằng ngân sách Nhà nước thì thực hiện theo đúng hồ sơ thiết kế kỹ thuật được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị

1. Thống kê về số lượng, chất lượng, đánh số cây, lập hồ sơ cho từng tuyến phố, khu vực công cộng.

2. Đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn ngoài việc thực hiện việc thống kê, phân loại, đánh số, cần phải treo biển tên và lập hồ sơ cho từng cây để phục vụ công tác bảo tồn, quản lý bảo đảm về mỹ thuật, an toàn khi chăm sóc.

3. Xác định cây nguy hiểm để lập hồ sơ theo dõi tình trạng phát triển và có kế hoạch thay thế kịp thời.

Điều 18. Nghiệm thu cây xanh trong các dự án đầu tư xây dựng công trình

Các dự án đầu tư xây dựng công trình trong đô thị có hạng mục cây xanh phải thực hiện trồng cây phù hợp với tiến độ xây dựng công trình. Khi nghiệm thu công trình phải bao gồm hạng mục cây xanh theo thiết kế đã được phê duyệt. Trình tự, thủ tục nghiệm thu theo quy định hiện hành.

Mục 3. CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 19. Điều kiện chặt hạ, dịch chuyển cây xanh; các trường hợp phải có giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh; các trường hợp được miễn giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định 64/2010/NĐ-CP.

Điều 20. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị

1. Thẩm quyền:

Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị theo phân cấp quản lý tại Điều 4 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện:

a. Trình tự thực hiện:

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị trực tiếp gửi hồ sơ xin phép tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của:

+ Ban Quản lý khu kinh tế lập phiếu nhận và gửi hồ sơ xin phép về phòng chuyên môn kiểm tra, tham mưu trình lãnh đạo Ban xem xét, quyết định.

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phiếu nhận và phiếu gửi hồ sơ xin phép về Phòng Kinh tế - Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị (gọi chung là Phòng Kinh tế - Hạ tầng). Phòng Kinh tế - Hạ tầng có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

- Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện ký giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị thuộc phạm vi quản lý.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi giấy phép cho tổ chức, cá nhân xin phép tại trụ sở cơ quan hành chính.

b. Thủ tục:

b1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị nêu rõ vị trí cây cần chặt hạ, dịch chuyển; loại cây (nếu biết); mã số cây (nếu có); kích thước cây; lý do cần chặt hạ, dịch chuyển. Mẫu đơn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này.

- Sơ đồ vị trí cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển.

- Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm × 15cm).

b2. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

c. Thời hạn giải quyết:

Thời gian cấp Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị tối đa không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thực hiện theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 21. Thực hiện việc chặt hạ, di dời cây xanh

1. Thời hạn để thực hiện việc chặt hạ, di dời cây xanh là không quá 30 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép chặt hạ, di dời cây xanh.

2. Quá thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều này mà chưa thực hiện việc chặt hạ, di dời cây xanh thì Giấy phép chặt hạ, di dời cây xanh không còn giá trị.

3. Đối với cây xanh phục vụ các công trình, dự án thì việc chặt hạ, di dời cây xanh được thực hiện theo tiến độ yêu cầu của dự án.

4. Việc chặt hạ, di dời cây xanh phải đảm bảo kỹ thuật an toàn về tính mạng, sức khỏe, tài sản của tổ chức, cá nhân.

5. Trước khi triển khai việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị, đơn vị thực hiện phải thông báo cho Ủy ban nhân dân phường, thị trấn nơi có cây xanh biết trước ít nhất 02 ngày làm việc.

6. Trường hợp tự ý chặt hạ, dịch chuyển không có giấy phép theo quy định, khi phát hiện, Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm lập biên bản, ghi hình hiện trạng, xử phạt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý một số trường hợp đặc biệt đối với cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển ngay, cây xanh đô thị đã bị ngã đổ

1. Trường hợp đột xuất cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị ngay do tình thế khẩn cấp, thiên tai hoặc cây có nguy cơ ngã đổ gây nguy hiểm thì đơn vị trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, bảo quản có trách nhiệm phối hợp ngay với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn (đối với cây xanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) lập biên bản hiện trường (mẫu biên bản hiện trường tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quy định này); chụp ảnh hiện trạng cây xanh; thực hiện ngay việc chặt hạ, dịch chuyển cây và chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây phải lập hồ sơ báo cáo Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Trường hợp cây xanh đô thị đã bị ngã đổ thì đơn vị trực tiếp thực hiện việc chăm sóc, bảo quản có trách nhiệm phối hợp ngay với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn (đối với cây xanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý) lập biên bản hiện trường; chụp ảnh hiện trạng cây xanh; dọn dẹp, giải tỏa ngay mặt bằng và chậm nhất trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thực hiện việc giải tỏa mặt bằng phải lập hồ sơ báo cáo Ban Quản lý khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Mục 4. QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN VƯỜN ƯƠM CÂY XANH

Điều 23. Quản lý và phát triển vườn ươm cây xanh

1. Tổ chức hoặc cá nhân sử dụng đất để phát triển vườn ươm phải bảo đảm đúng quy hoạch, đúng mục đích, hiệu quả sử dụng đất; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào việc nghiên cứu giống cây, thuần hóa cây nhập ngoại; công tác ươm trồng giống các loại cây, cây hoa, cây cảnh đáp ứng nhu cầu về cung cấp cây xanh cho đô thị.

2. Tăng cường quản lý, đẩy nhanh công tác quy hoạch dành quỹ đất phát triển vườn ươm.

3. Chủ động phát triển vườn ươm cây phong phú về chủng loại cây, đáp ứng nhu cầu phát triển cây xanh đô thị, kế hoạch phát triển cây xanh hàng năm của đô thị và nhu cầu thị trường.

4. Thực hiện lai tạo, nhân giống các giống cây mới trong và ngoài nước có tán, hoa, lá màu sắc đẹp, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, mang bản sắc địa phương khi đưa ra trồng trên đường phố, nơi công cộng, chú trọng vào việc thuần hoá các giống cây rừng đặc hữu ở địa phương.

5. Chủ động được công tác ươm, nuôi chuẩn bị cây giống đảm bảo quy cách, cây đủ tiêu chuẩn, chất lượng khi xuất vườn.

Mục 5. KHUYẾN KHÍCH THAM GIA QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 24. Khuyến khích tham gia quản lý và phát triển cây xanh đô thị

1. Khuyến khích xã hội hoá công tác quản lý, trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh đô thị và phát triển vườn ươm cây theo quy hoạch xây dựng hoặc quy hoạch chuyên ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các hoạt động dịch vụ cung cấp giống, cây trồng, trồng và chăm sóc, duy trì cây xanh đô thị được thực hiện theo hợp đồng với phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ.

3. Khuyến khích trồng cây xanh trên các rẻo đất trống, hành lang an toàn giao thông, các vùng cách ly công trình xử lý rác, công trình mai táng, nghĩa trang; sử dụng các bãi rác khi ngừng hoạt động chuyển thành vườn ươm cây xanh.

4. Khuyến khích các hộ gia đình tự trồng cây xanh, đặc biệt trồng và chăm sóc cây trước mặt nhà, trên các tuyến phố theo quy hoạch và các quy định về chủng loại cây được duyệt.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ CÂY XANH ĐÔ THỊ

Điều 25. Các Sở, Ban, Ngành

1. Sở Xây dựng:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì soạn thảo các văn bản hướng dẫn công tác quản lý cây xanh đô thị; lập kế hoạch hàng năm và 5 năm về đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác định danh mục cây trồng, cây cần bảo tồn, cây nguy hiểm, cây cấm trồng, cây trồng hạn chế trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

d) Tổng hợp cơ sở dữ liệu về cây xanh đô thị; hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách về đầu tư, tài chính trong việc khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, đầu tư và phát triển vườn ươm, công viên, cây xanh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ nguồn vốn theo kế hoạch hàng năm và 5 năm về kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng của địa phương.

3. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn về trình tự, thủ tục nộp và quản lý, sử dụng các nguồn lợi thu được từ việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh công cộng có nguồn lợi thu được.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp Sở Xây dựng thực hiện điểm c, khoản 1, Điều 25 Quy định này.

b) Tham gia ý kiến cho các cơ quan có chức năng trong việc lựa chọn giống cây trồng phù hợp mục đích trồng, khí hậu, thổ nhưỡng địa phương nhằm tạo sự đa dạng trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị.

Điều 26. Ban Quản lý khu kinh tế

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh trong khuôn viên các khu công nghiệp thuộc tỉnh quản lý.

2. Lập, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng hồ sơ được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, di dời cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

4. Thực hiện việc chặt hạ, thay thế các tuyến đường có cây lâu năm, già cỗi, không còn phát huy tác dụng cải thiện môi trường và không đảm bảo an toàn trong khuôn viên các khu công nghiệp tỉnh.

5. Khảo sát, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây xanh mang đặc trưng của tỉnh, của vùng địa lý trong khuôn viên các khu công nghiệp tỉnh.

6. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý cây xanh trong các khu công nghiệp tỉnh lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị theo quy định.

7. Cấp giấy phép chặt hạ, di dời cây xanh đô thị trong các khu công nghiệp tỉnh.

8. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình quản lý cây xanh trong các khu công nghiệp tỉnh về Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 27. Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo vệ và phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn theo phân cấp.

2. Lập, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển cây xanh sử dụng công cộng đô thị hàng năm và 5 năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên địa bàn mình quản lý.

3. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết cây xanh, công viên – vườn hoa trên địa bàn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị sau khi có ý kiến thỏa thuận của Sở Xây dựng.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn quản lý bảo đảm tỷ lệ cây xanh theo đúng hồ sơ được phê duyệt. Lập biên bản xử lý hành vi vi phạm quy định về chặt hạ, di dời cây xanh, xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử phạt.

5. Quản lý địa bàn, không để tình trạng lấn chiếm sử dụng trái phép các vị trí được quy hoạch xây dựng cây xanh đô thị.

6. Đối với các huyện, thị xã chưa có đơn vị trực tiếp thực hiện việc quản lý cây xanh thì tiến hành lựa chọn, ký hợp đồng với các đơn vị chuyên ngành thực hiện việc trồng, duy trì và chăm sóc cây xanh.

7. Thực hiện việc chặt hạ, thay thế các tuyến đường có cây lâu năm, già cỗi, không còn phát huy tác dụng cải thiện môi trường và không đảm bảo an toàn cho sinh hoạt đô thị.

8. Tổ chức lập hồ sơ hiện trạng cây xanh đô thị trên địa bàn. Trên cơ sở đó lập quy hoạch và kế hoạch trồng mới và từng bước thay thế, chỉnh trang cây xanh hiện trạng đã có nhưng chưa phù hợp với quy định này.

9. Khảo sát, lập kế hoạch chăm sóc đặc biệt đối với cây cổ thụ, cây cần bảo tồn, cây xanh mang đặc trưng của tỉnh, của vùng địa lý, cây xanh trên đường phố có chiều cao từ 15m trở lên. Tổ chức lực lượng tuần tra, bảo vệ thường xuyên hệ thống cây xanh đường phố.

10. Yêu cầu các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị theo quy định.

11. Tuyên truyền, giáo dục, vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tích cực tham gia trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh đô thị.

12. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh trên địa bàn quản lý.

13. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo tình hình quản lý cây xanh trên địa bàn về Sở Xây dựng theo quy định.

Điều 28. Các tổ chức, cá nhân được giao trực tiếp quản lý cây xanh đô thị

1. Thực hiện trồng, chăm sóc và quản lý hệ thống cây xanh đô thị theo hợp đồng đã ký với cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh đô thị; cung cấp các dịch vụ có liên quan tới cây xanh đô thị cho xã hội.

2. Phát hiện, lập kế hoạch, thực hiện việc chặt hạ cây xanh bị sâu bệnh không có khả năng điều trị, bị chết, có nguy cơ đổ ngã và cây xanh thuộc danh mục cây cấm trồng do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Lập hồ sơ quản lý cây xanh đô thị theo Điều 17 Quy định này. Hàng năm có nhiệm vụ lập báo cáo kiểm kê diện tích cây xanh và số lượng cây trồng gửi cho cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh.

4. Thường xuyên kiểm tra, kiến nghị các cơ quan chức năng giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan về cây xanh.

5. Nghiên cứu, đề xuất về chủng loại cây, hoa phù hợp quy hoạch xây dựng với đặc điểm thổ nhưỡng, khí hậu và cảnh quan chung, tiếp thu lai tạo các loại cây, hoa đẹp ở các địa phương khác để áp dụng trên địa bàn được giao quản lý.

6. Lập danh sách cây nguy hiểm phải thay thế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện việc chặt hạ, di dời theo kế hoạch.

7. Phối hợp với địa phương vận động thực hiện phong trào Nhà nước và nhân dân cùng chăm sóc, quản lý và phát triển hệ thống cây xanh công cộng.

Chương IV

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 29. Khen thưởng

Các tổ chức, cá nhân có thành tích chăm sóc, bảo vệ, phát triển hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa thì tùy theo mức độ sẽ được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm đến hệ thống cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa theo Quy định này thì tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt hành chính theo Quy định tại Nghị định số 121/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

PHỤ LỤC I

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND
ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố
(hoặc Ban Quản lý khu kinh tế)

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Xin được chặt hạ (di dời) cây.....tại đường.....,
phường (thị trấn):....., huyện (thành phố, thị xã):.....

Loại cây:.....; Chiều cao (m):..... Đường kính (m):.....

Mô tả hiện trạng cây xanh:.....

Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển, thay thế

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cây xanh đô thị và các quy định khác có liên quan./.

....., Ngày tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tài liệu kèm theo:

- Ảnh chụp hiện trạng;
- Sơ đồ vị trí cây (nếu có).

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

UBND TỈNH AN GIANG
Cơ quan cấp giấy phép

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH

Số:...../GPCX

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh của

1. Cấp cho:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....Fax:.....

- Được phép chặt hạ, dịch chuyển cây.....tại đường....., phường (thị trấn)..... huyện (thành phố, thị xã).....

- Loại cây:.....Chiều cao (m):.....Đường kính (m):.....

- Hồ sơ quản lý:.....

- Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển :.....

2. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển:.....

3. Thời gian có hiệu lực của giấy phép là 30 ngày kể từ ngày được cấp giấy phép. Quá thời hạn này mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển thì giấy phép này không còn giá trị.

4. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh có trách nhiệm:

- Thực hiện việc chặt hạ, di dời đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và tuyệt đối an toàn.

- Thực hiện đúng thời gian quy định.

- Thông báo cho chính quyền địa phương biết thời gian thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Cơ quan cấp giấy phép;

- Lưu.

....., ngày háng.....năm.....

(Ký tên, đóng dấu)

UBND huyện, thị xã, thành phố

(Ban Quản lý khu kinh tế)

Phụ lục III
(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2014/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Về việc xác định hiện trường cây xanh

Hôm nay, vào lúc giờ.....phút, ngày tháng.....năm,
tại hiện trường

I. Thành phần gồm:

1. Ông (bà):, chức vụ:
2. Ông (bà):, chức vụ:
3. Ông (bà):, chức vụ:

II. Nội dung: Đoàn tiến hành khảo sát và ghi nhận hiện trạng cây xanh
cần chặt hạ, dịch chuyển như sau:

- Địa điểm vị trí cây xanh chặt hạ, dịch chuyển:
tại đường, phường (thị trấn)
huyện (thành phố, thị xã).....

- Loại cây:, chiều cao (m):....., đường kính (m):

- Hồ sơ quản lý, mã số cây (nếu có) :

- Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển:

.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào lúc giờ.....phút và đồng ký tên./.

ĐẠI DIỆN

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN